

Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu K, chị đề nghị Tòa án giao cháu H cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

- *Tại bản tự khai anh Trần Văn Đ trình bày:* Anh và chị H kết hôn năm 2003 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện Yên Thế. Quá trình chung sống, anh chị hòa thuận, hạnh phúc. Khoảng vài năm trở lại đây do anh ham chơi đã không quan tâm đến gia đình. Chị H cảm thấy mệt mỏi vì gánh nặng gia đình mà anh lại ít quan tâm chia sẻ dẫn đến chị H làm đơn yêu cầu ly hôn. Anh xác định anh chị có mâu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ. Nay chị H yêu cầu ly hôn thì anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh không đồng ý ly hôn. Trường hợp chị H kiên quyết ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung là Trần Đức K, sinh ngày 27/10/2004 và Trần Hoàng Đức H, sinh ngày 07/8/2017. Sau khi ly hôn, anh có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu H và đồng ý giao cháu K cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ chung: Anh chị tự thỏa thuận và không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh đối với Ủy ban nhân dân xã A, huyện Yên Thế cho biết: Qua tra cứu sổ sách được lưu trữ tại Ủy ban nhân dân xã A thì không có tài liệu nào xác định việc chị Hoàng Thị H có đăng ký kết hôn với anh Trần Văn Đ.

- *Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế phát biểu ý kiến* về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị Hoàng Thị H và anh Trần Văn Đ là vợ chồng. Về con chung: Giao cháu H cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng; Giao cháu K cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, tài sản, công nợ chung: không giải quyết. Buộc chị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền, thủ tục tố tụng: chị H nộp đơn yêu cầu ly hôn anh Đ, có địa chỉ tại thôn HL, xã A, huyện Yên Thế. Tòa án nhân dân huyện Yên Thế thụ lý giải quyết vụ án “tranh chấp hôn nhân và gia đình” là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, chị H vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; anh Đ được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai. Căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị H và anh Đ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H, anh Đ tự nguyện chung sống như vợ chồng với nhau từ năm 2003, theo anh chị trình bày thì anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A năm 2003 nhưng anh chị đều không xuất trình được đăng ký kết hôn. Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã A được biết qua kiểm tra sổ đăng ký kết hôn thì không có tài liệu nào thể hiện anh Đ và chị H đăng ký kết hôn. Do vậy, không có căn cứ xác định chị H và anh Đ có đăng ký kết hôn. Việc anh chị chung sống như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình. Quá trình chung sống, anh chị xảy ra mâu thuẫn do anh Đ ham chơi không quan tâm gia đình, không chia sẻ công việc gia đình với chị H dẫn đến vợ chồng cãi vã, bất đồng quan điểm. Qua xác minh tại địa phương được biết anh chị cũng mâu thuẫn như trên. Anh chị đã ly thân từ tháng 4/2021 cho đến nay. Nay chị H xác định không còn tình cảm vợ chồng và yêu cầu ly hôn anh Đ, anh Đ mặc dù xác định còn tình cảm vợ chồng nhưng anh không có cách nào khuyên nhủ chị H về đoàn tụ. Hội đồng xét xử thấy: anh chị không có đăng ký kết hôn, quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn nay chị H yêu cầu ly hôn. Căn cứ vào điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH ngày 09/6/2000, HĐXX xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hoàng Thị H và anh Trần Văn Đ.

[3] Về con chung: Chị H và anh Đ có hai con chung là Trần Đức K, sinh ngày 27/10/2004 và Trần Hoàng Đức H, sinh ngày 07/8/2017. Khi ly hôn chị H và anh Đ đều đề nghị giao cháu K cho chị H nuôi, giao cháu H cho anh Đ nuôi. Cháu K có nguyện vọng ở cùng chị H khi bố mẹ cháu ly hôn. Qua xác minh được biết hiện nay chị H đang làm nghề bán hàng quần áo, anh Đ làm tự do cũng có khả năng nuôi con. Để phù hợp với yêu cầu, nguyện vọng của anh Đ, chị H, cháu K, phù hợp với khả năng nuôi dưỡng con của anh Đ và chị H, Hội đồng xét xử cần giao cháu K cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu H cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H và anh Đ không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ: Chị H và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm c mục 3 của Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2010 của Quốc hội;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hoàng Thị H và anh Trần Văn Đ.

2. Về con chung: Giao giao cháu Trần Đức K, sinh ngày 27/10/2004 cho chị Hoàng Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Trần Hoàng Đức H, sinh ngày 07/8/2017 cho anh Trần Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, anh Đ, chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung anh chị không trực tiếp nuôi mà không ai được cản trở anh Đ, chị H thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

3. Về tài sản, công nợ: Tòa án không giải quyết.

4. Về tiền án phí: Chị Hoàng Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại biên lai số AA/2018/0004721 ngày 13/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế. Xác nhận chị H đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- CCTHADS huyện Yên Thế;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thế Đăng